

Bản án số: 02/2024/KDTM-PT
Ngày: 26-01-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng
và hợp đồng bảo hiểm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hà.

Các Thẩm phán: Ông Võ Công Phương

Ông Phan Minh Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Đào Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo hiểm”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 66/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 247/2023/QĐXXPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Đ

Trụ sở: T, A T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đào Quang Đ – Trưởng phòng Khách hàng 3 và ông Nguyễn Đại P - Chuyên viên Phòng khách hàng 3 thuộc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh P1, là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền số 3091/QĐ-BIDV.PT ngày 11/12/2023) (có mặt).

- **Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Công Đ1, sinh năm 1962 và bà Mai Thị B, sinh năm 1962; Cùng địa chỉ: Thôn L, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (vắng mặt - có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Tổng Công ty cổ phần B2

Trụ sở: Tầng B Toà nhà MIPEC, số B T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Tổng Công ty cổ phần B2: Ông Nguyễn Hoàng H, địa chỉ: Ô số C BT3 khu bán đảo L, phường H, quận H, Thành phố Hà

Nội là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn (Theo giấy uỷ quyền ngày 25/5/2023) (có mặt).

- *Người kháng cáo:* **Tổng Công ty cổ phần B2** là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Người đại diện hợp pháp của **Ngân hàng TMCP Đ** trình bày:*

Ngày 12/11/2015, **Ngân hàng TMCP Đ** - **Chi nhánh P1** (gọi tắt là **B3**), ông **Nguyễn Công Đ1** và bà **Mai Thị B** đã ký hợp đồng tín dụng số 01/2015/7903627/HĐTD. Theo thỏa thuận, Ngân hàng cho ông **Đ1** bà **B** vay số tiền 16.181.500.000 đồng để đầu tư đóng mới tàu vỏ thép lưới rê, máy móc, trang thiết bị, ngư lưới cụ và các chi phí khác hình thành nên con tàu theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính Phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Thời hạn cho vay 180 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, lãi suất cho vay trong hạn 7,0%/năm, lãi suất quá hạn 130%/năm lãi suất cho vay trong hạn. Cụ thể các lần rút vốn như sau:

- Ngày 23/11/2015: Số tiền rút vốn là 2.475.000.000 đồng;
- Ngày 30/12/2015: Số tiền rút vốn là 4.330.000.000 đồng;
- Ngày 30/12/2015: Số tiền rút vốn là 1.776.500.000 đồng;
- Ngày 29/4/2016: Số tiền rút vốn là 4.018.000.000 đồng;
- Ngày 30/06/2016: Số tiền rút vốn là 1.027.000.000 đồng;
- Ngày 25/10/2016: Số tiền rút vốn là 2.555.000.000 đồng .

Sau khi vay, tính đến ngày 28/11/2018, vợ chồng ông **Đ1** bà **B** trả gốc được 262.500.000 đồng (Thời gian trả cụ thể như sau: ngày 25/02/2017 trả 60.000.000 đồng, ngày 25/05/2017 trả 10.000.000 đồng, ngày 08/02/2018 trả 100.000.000 đồng, ngày 28/11/2018 trả 92.500.000 đồng); Trả lãi (từ nguồn cấp bù ngân sách) đến ngày 23/4/2018 được 1.185.867.361 đồng, sau đó thì không trả nữa. Như vậy, vợ chồng ông **Nguyễn Công Đ1**, bà **Mai Thị B** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc từ kỳ hạn 25/5/2017 và đã không thực hiện trả lãi suất 1%, vi phạm nghĩa vụ trả lãi từ ngày 12/12/2016 theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Tính đến hết ngày 19/10/2023, vợ chồng ông **Nguyễn Công Đ1** và bà **Mai Thị B** còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 23.856.973.229 đồng (trong đó: nợ gốc là 15.919.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.416.775.833 đồng, lãi phạt quá hạn là 521.197.396 đồng).

Để bảo đảm cho việc trả nợ của hợp đồng tín dụng nêu trên ông **Nguyễn Công Đ1** và bà **Mai Thị B** đã ký hợp đồng thế chấp số 01/2016/7903627/HĐBĐ ngày 07/11/2016 và văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2018/7903627/SĐBS ngày 12/07/2018. Tài sản thế chấp là 01 tàu vỏ thép, ngư lưới cụ và trang thiết bị đánh bắt dùng để khai thác thủy sản, tàu có số đăng ký là **BĐ-99047-TS** do ông **Nguyễn Công Đ1** đứng tên chủ tàu theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 936/2017 số đăng ký **BĐ-99047-TS** do **Chi cục thủy sản B4** cấp ngày 29/12/2017.

Ngày 03/01/2019, tàu vỏ thép mang số hiệu **BĐ-99047-TS** đã bị chìm tại tọa độ 05°16'N, 105°17'E (cách đường ranh giới khu vực hợp tác chung **Việt Nam - M** khoảng 60 hải lý về phía vùng biển **M**). Nguyên nhân chìm tàu là do tàu đang trên

đường đi chuyển tránh trú bão tại vùng biển M thì bị chìm do ảnh hưởng cơn bão số 1 (PABUK) kèm mưa to, sóng lớn dẫn đến tổn thất chìm toàn bộ.

Ngày 30/12/2018 ông Nguyễn Công Đ1 có ký hợp đồng mua bảo hiểm thân tàu của tàu vỏ thép số đăng ký BD-99047-TS với Công ty B5 thuộc Tổng Công ty cổ phần B2 theo Hợp đồng số P-18/BDI/HHD/2400/0038 ngày 30/12/2018, đã được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số P-18/BDI/HHA/2600/0037 ngày 30/12/2018, với giá trị trách nhiệm bảo hiểm thân tàu là 9.685.000.000 đồng. Theo giấy sửa đổi bổ sung số E-18/BDI/HHA/2600/0037-01 ngày 30/12/2018, người thụ hưởng quyền lợi duy nhất là Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh P1. Theo lời khai và đơn trình bày của vợ chồng ông Nguyễn Công Đ1, bà Mai Thị B trong quá trình Tòa giải quyết, ông Đ1 bà B cũng đồng ý Tổng Công ty cổ phần B2 chi trả số tiền bồi thường bảo hiểm thân tàu là 9.685.000.000 đồng cho Nguyên đơn để thu hồi nợ gốc khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7903627/HĐTD ngày 12/11/2015.

Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu:

- Buộc Tổng Công ty cổ phần B2 trả tiền bồi thường bảo hiểm cho Ngân hàng TMCP Đ 9.685.000.000 đồng đối với tổn thất chìm tàu cá BD-99047-TS của ông Nguyễn Công Đ1 để Ngân hàng thu hồi nợ vay của vợ chồng ông Nguyễn Công Đ1 bà Mai Thị B.

- Buộc ông Nguyễn Công Đ1 và bà Mai Thị B phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ (sau khi đã trừ đi số tiền 9.685.000.000 đồng mà Tổng Công ty cổ phần B2 phải bồi thường vào nợ gốc) số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến hết ngày 19/10/2023 là 14.171.973.229 đồng (trong đó: nợ gốc 6.234.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 7.416.775.833 đồng, lãi phạt quá hạn 521.197.396 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 20/10/2023 theo lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Đ1 bà B trả hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Công Đ1, bà Mai Thị B thống nhất trình bày:

Ông bà thống nhất như lời khai của Ngân hàng TMCP Đ về quá trình ký kết hợp đồng tín dụng, nội dung thỏa thuận, số tiền gốc, lãi đã trả và số tiền gốc, lãi còn nợ. Ông bà có ký hợp đồng tín dụng số 01/2015/7903627/HĐTD ngày 12/11/2015 và vay vốn của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh P1 với số tiền 16.181.500.000 đồng để đầu tư đóng mới tàu vỏ thép lưới rê, máy móc, trang thiết bị, ngư lưới cụ và các chi phí khác hình thành nên con tàu theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính Phủ về một số chính sách phát triển thủy sản. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, vợ chồng ông bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Tính đến hết ngày 21/6/2023, vợ chồng ông bà còn nợ của Ngân hàng số tiền gốc và lãi tạm tính là 23.433.467.396 đồng (trong đó nợ gốc: 15.919.000.000 đồng, nợ lãi: 7.514.467.396 đồng).

Để bảo đảm cho việc trả nợ của hợp đồng tín dụng nêu trên, vợ chồng ông bà đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh P1 tài sản gồm: 01 tàu vỏ thép, ngư lưới cụ và trang thiết bị đánh bắt dùng để khai thác thủy sản, tàu có số đăng ký là BD-99047-TS do ông Nguyễn Công Đ1 đứng tên sở hữu, theo hợp đồng thế chấp

số 01/2016/7903627/HĐBD ngày 07/11/2016 và văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2018/7903627/SĐBS ngày 12/07/2018.

Ngày 30/12/2018 ông **Nguyễn Công Đ1** có ký hợp đồng mua bảo hiểm thân tàu của tàu vỏ thép số đăng ký BD-99047-TS với **Công ty B5** thuộc **Tổng Công ty cổ phần B2** theo Hợp đồng số P-18/BDI/HHD/2400/0038 ngày 30/12/2018, đã được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số P-18/BDI/HHA/2600/0037 ngày 30/12/2018, với giá trị trách nhiệm bảo hiểm thân tàu là 9.685.000.000 đồng. Theo giấy sửa đổi bổ sung số E-18/BDI/HHA/2600/0037-01 ngày 30/12/2018, người thụ hưởng quyền lợi duy nhất là **Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh P1**.

Ngày 03/01/2019, tài sản thế chấp là tàu vỏ thép mang số hiệu BD-99047-TS đã bị chìm tại tọa độ 05⁰16'N, 105⁰17'E (cách đường ranh giới khu vực hợp tác chung **Việt Nam - M** khoảng 60 hải lý về phía vùng biển **M**). Nguyên nhân chìm tàu là do tàu đang trên đường di chuyển tránh trú bão tại vùng biển **M** thì bị chìm do ảnh hưởng cơn bão số 1 kèm mưa to, sóng lớn dẫn đến tổn thất chìm toàn bộ.

Nay **Ngân hàng TMCP Đ** yêu cầu **Tổng Công ty cổ phần B2** bồi thường số tiền 9.685.000.000 đồng đối với tổn thất chìm tàu vỏ thép có số đăng ký BD-99047-TS cho Ngân hàng để Ngân hàng thu hồi nợ vay của vợ chồng ông bà, vợ chồng ông bà đồng ý **Tổng Công ty cổ phần B2** trả tiền bồi thường đối với tổn thất chìm tàu cá BD-99047-TS cho **Ngân hàng TMCP Đ** thụ hưởng số tiền bảo hiểm đối với thân tàu là 9.685.000.000 đồng để thu hồi vào nợ gốc của ông bà; Và yêu cầu vợ chồng ông bà phải có nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng TMCP Đ** số tiền gốc và lãi còn nợ tạm tính đến hết ngày 21/6/2023 (sau khi trừ đi số tiền bồi thường tổn thất chìm tàu 9.685.000.000đ) số tiền là 13.748.467.396đ (trong đó: dư nợ gốc là 6.234.000.000 đồng, dư nợ lãi tạm tính là 7.514.467.396 đồng) và yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ, ông bà đồng ý trả nợ nhưng do hoàn cảnh kinh tế ông bà khó khăn không có khả năng trả nợ, ông bà xin trả dần số nợ trên cho đến khi hết nợ.

Ông Nguyễn Hoàng H là người đại diện hợp pháp của bị đơn **Tổng Công ty cổ phần B2** trình bày:

Vào ngày 30/12/2018 ông **Nguyễn Công Đ1** có mua bảo hiểm tàu cá và có ký hợp đồng mua bảo hiểm thân tàu của tàu vỏ thép số đăng ký BD-99047-TS với **Công ty B5** thuộc **Tổng Công ty Cổ phần B2** theo Hợp đồng số P-18/BDI/HHD/2400/0038 ngày 30/12/2018, có hiệu lực bảo hiểm từ 00h00' ngày 31/12/2018 đến 24h00' ngày 30/12/2019, đã được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số P-18/BDI/HHA/2600/0037 ngày 30/12/2018, Giấy sửa đổi bổ sung số E-18/BDI/HHA/2600/0037-01, số tiền bảo hiểm đối với thân tàu là 9.685.000.000 đồng. Tổng số phí bảo hiểm là 49.488.000đ, trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ chi trả là 26.244.000đ, còn lại ông **Đ1** đã nộp đầy đủ.

Theo khai báo của Thuyền trưởng tàu cá BD-99047-TS thì vào ngày 01/01/2019, khi tàu đang đánh bắt hải sản tại khu vực có tọa độ 06⁰54'N, 105⁰25'E thuộc vùng biển Việt Nam thì nhận được tin cơn bão số 1 năm 2019. Thuyền trưởng đã liên lạc với chủ tàu về việc xin tàu được tránh trú bão tại vùng biển **M** cùng với các tàu đi cùng tổ đi đánh bắt thủy sản. Sau đó tàu BD-99047-TS cùng với các tàu

đi cùng di chuyển tránh trú bão tại khu vực có tọa độ $05^{\circ}16'N$, $105^{\circ}17'E$ thì vào lúc 4h00' ngày 03/01/2019 trong lúc tàu BD-99047-TS đang neo đậu tránh bão thì bị sóng đánh chìm tại tọa độ $05^{\circ}16'N$, $105^{\circ}17'E$ thuộc vùng biển M. Đến 12h00' cùng ngày tàu cá BD-98347-TS đã đến cứu toàn bộ thuyền viên của tàu cá BD-99047-TS.

Ngay sau khi nhận được thông báo sự cố của chủ tàu BD-99047-TS, PJICO đã chỉ định Công ty cổ phần G (viết tắt NORI) giám định sự cố trên, đến ngày 26/9/2019 Công ty G1 đã có báo cáo giám định cuối cùng số 19210018/HCM gửi PJICO để xem xét đánh giá sự cố.

Căn cứ Công văn số 717/TS-TC của Chi cục Thủy sản tỉnh B4 ngày 30/8/2019 về việc xác định vùng hoạt động của tàu cá BD-99047-TS có ghi như sau:

“Trích dẫn...

1. Tàu cá BD-99047-TS đã được Trung tâm đăng kiểm tàu cá – T kiểm tra an toàn kỹ thuật và phân cấp hạn chế I hoạt động trong vùng biển Việt Nam có thời hạn hiệu lực đến ngày 15/8/2019. Vì vậy vùng hoạt động của tàu cá BD-99047-TS là vùng biển hạn chế cách xa bờ hoặc nơi trú ẩn không quá 200 hải lý.

2. Tàu cá BD-99047-TS có chiều dài $L_{max} = 27,06\text{ m}$, công suất 823 sức ngựa, được Chi cục Thủy sản tỉnh B4 cấp giấy phép khai thác thủy sản nghề lưới rê, được phép hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển khơi Việt Nam, có hiệu lực đến ngày 15/8/2019.

3. Tàu cá BD-99047-TS bị chìm tại tọa độ có vĩ độ: $05^{\circ}16'N$, $105^{\circ}17'E$. Căn cứ trên bản đồ nền sơ đồ vùng biển Việt Nam do H1 phát hành tháng 5/2019, bằng thao tác nghiệp vụ hải đồ cho thấy vị trí tàu chìm được xác định cách đường ranh giới khu vực hợp tác chung Việt Nam - M khoảng 60 hải lý về phía vùng biển M”.

- Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 15, Phần II Quy tắc điều khoản bảo hiểm thân tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ (được chấp thuận đăng ký theo Công văn số 18759/BTC-QLBH ngày 16/12/2015 của Bộ T1) ghi như sau:

“Trích dẫn...

Điều 15. Loại trừ bảo hiểm.

b. Tàu hoạt động ngoài phạm vi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam”.

Vì vậy đến ngày 16/10/2019 PJICO có công văn số 222/BDI-PJICO/2019 gửi cho chủ tàu cá ông Nguyễn Công Đ1 và Ngân hàng B6 – Chi nhánh P1 thông báo giải quyết sự cố chìm tàu BD-99047-TS như sau:

“ - Căn cứ vào khai báo của chủ tàu, thuyền trưởng, thuyền viên trên tàu thì vị trí tại thời điểm tàu BD-99047-TS bị tổn thất ở tọa độ $05^{\circ}16'N$, $105^{\circ}17'E$.

- Căn cứ theo Công văn số 717/TS – TC ngày 30/8/2019 của Chi cục Thủy sản B4 về việc xác định vùng hoạt động của tàu cá BD-99047-TS, vị trí tàu chìm được xác định cách đường ranh giới khu vực hợp tác chung Việt Nam - M khoảng 60 hải lý về phía vùng biển M.

- Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 15, Phần II Quy tắc điều khoản bảo hiểm thân tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ (được chấp thuận đăng ký theo Công văn số 18759/BTC-QLBH ngày 16/12/2015 của Bộ Tl) thì sự cố chìm tàu BD-99047-TS tại tọa độ 05°16'N, 105°17'E là ngoài phạm vi hoạt động theo quy định của Quy tắc bảo hiểm đã được Bộ Tl phê duyệt nên đã vi phạm vào điểm loại trừ của Quy tắc áp dụng”.

Chính vì vậy sự cố chìm tàu cá BD-99047-TS của chủ tàu ông Nguyễn Công Đ1 là không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường bảo hiểm của PJICO.

Mặt khác, nguyên đơn không phải là người mua bảo hiểm và cũng không phải là người được bảo hiểm nên không có quyền khởi kiện do vậy đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với yêu cầu Tổng Công ty cổ phần B2 phải trả tiền bồi thường bảo hiểm tàu cá BD-99047-TS cho Nguyên đơn và không đồng ý trả tiền bồi thường bảo hiểm theo yêu cầu của nguyên đơn.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 66/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

1. Buộc Tổng Công ty cổ phần B2 phải có nghĩa vụ trả tiền bồi thường bảo hiểm tàu cá BD-99047-TS cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 9.685.000.000 đồng.

2. Buộc ông Nguyễn Công Đ1 và bà Mai Thị B phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ (sau khi trừ đi 9.685.000.000đ tiền bồi thường bảo hiểm tàu cá BD-99047-TS do Tổng Công ty cổ phần B2 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ) số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến hết ngày 19/10/2023 là 14.171.973.229 đồng (trong đó: nợ gốc là 6.234.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.416.775.833 đồng, lãi phạt quá hạn là 521.197.396 đồng).

3. Bác lời nại của Tổng Công ty cổ phần B2 về việc đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với yêu cầu Tổng Công ty cổ phần B2 phải trả tiền bồi thường bảo hiểm tàu cá BD-99047-TS cho Nguyên đơn số tiền 9.685.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền bồi thường bảo hiểm theo yêu cầu của Nguyên đơn.

Ngoài ra, bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm chậm thi hành án, về án phí, về quyền và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự và quyền kháng cáo.

Ngày 30/10/2023 bị đơn Tổng Công ty cổ phần B2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần B7. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần B7, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm Bị đơn ông Nguyễn Công Đ1, bà Mai Thị B vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Xét nội dung kháng cáo của Công ty cổ phần B7, HĐXX thấy rằng:

Ngày 30/12/2018 ông Nguyễn Công Đ1 có ký hợp đồng và mua bảo hiểm thân tàu của tàu cá BĐ-99047-TS với Công ty B5 thuộc Tổng Công ty cổ phần B2 theo Hợp đồng số P-18/BDI/HHD/2400/0038 ngày 30/12/2018; Tổng số phí bảo hiểm 49.488.000 đồng, trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ chi trả 26.244.000 đồng, còn lại ông Đ1 đã nộp đầy đủ nghĩa vụ nộp phí bảo hiểm, đã được Công ty B5 cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số P-18/BDI/HHA/2600/0037 ngày 30/12/2018, hiệu lực bảo hiểm từ 00h00' ngày 31/12/2018 đến 24h00' ngày 30/12/2019, số tiền bảo hiểm thân tàu là 9.685.000.000 đồng. Quy tắc bảo hiểm tàu cá ban hành kèm theo Quyết định 814/2012/QĐ-PJICO ngày 30/10/2012 của Tổng giám đốc công ty cổ phần B7. Vì vậy hợp đồng bảo hiểm được xác lập giữa ông Đ1 và Công ty B5 thuộc Tổng Công ty cổ phần B2 là phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành. Theo giấy sửa đổi bổ sung số E-18/BDI/HHA/2600/0037-01 ngày 30/12/2018, người thụ hưởng quyền lợi duy nhất là Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh P1.

[2.1] Ngày 01/12/2018, tàu cá BĐ-99047-TS do ông Nguyễn Quốc Đ2 làm thuyền trưởng có đầy đủ giấy tờ hợp lệ bắt đầu khởi hành ra khơi đánh bắt hải sản. Ngày 01/01/2019 khi tàu BĐ-99047-TS đang đánh bắt hải sản tại khu vực có tọa độ 54° N- 105° 25'E tại vùng biển Việt Nam thì nhận được tin bão số 1 năm 2019, thuyền trưởng đã liên lạc chủ tàu là ông Nguyễn Công Đ1 về việc xin tàu được tránh trú bão tại vùng biển Malaysia, ông Đ1 cũng đã làm đơn xin trú bão tại vùng biển nước ngoài tới Ban chỉ huy Đồn biên phòng T2 và Đồn biên phòng T2 đã có báo cáo gửi tới các cơ quan chức năng. Trước đó vào ngày 29/12/2018 Ban chỉ huy phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định đã có công văn 430/PCTT-VP ngày 29/12/2018 gửi Ủy ban Q và tìm kiếm cứu nạn về việc đề nghị cho các tàu cá tỉnh Bình Định được tránh trú bão tại nước ngoài, trong đó có tàu BĐ-99047-TS của ông Nguyễn Công Đ1 (thể hiện tại công văn số 979/BCH-TM ngày 05/5/2023 của Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh B). Ngày 03/01/2019, tàu cá BĐ-99047-TS đang neo đậu tránh trú bão số 1 thì bị dông gió mạnh, mưa to, sóng lớn liên tục đánh vào tàu làm tàu bị nghiêng qua phải, nước tràn vào hầm lưới và chìm, gây tổn thất toàn bộ. Thời điểm xảy ra sự cố chìm tàu vẫn còn trong thời hạn được bảo hiểm.

Nguyên nhân dẫn đến tai nạn sự cố chìm tàu cá BĐ-99047-TS vào ngày 03/01/2019 theo dự báo thời tiết của V và Báo cáo giám định của Công ty cổ phần G là do: Tại thời điểm xảy ra sự cố, áp cao lục địa có cường độ mạnh gây ra trường gió đông bắc mạnh trên vịnh B, vùng biển ngoài khơi Trung bộ, khu vực B1 và giữa biển Đ3. Ngoài ra cơn bão số 1 tiếp tục gây mưa giông mạnh cho các vùng biển phía Nam. Khu vực N biển Đ3 có mưa bão ở phía Tây. Gió Đông đến Đ cấp 5, có lúc cấp 6, phía Tây có gió mạnh cấp 7. Biển động. Trong cơn dông có khả năng xảy ra lốc

xoáy. Trong lúc tàu đang neo đậu tránh bão thì trời nổi dông gió mạnh do ảnh hưởng cơn bão số 1 năm 2019, làm tàu cá BÐ-99047-TS bị các đợt sóng mạnh đánh vào tàu làm nước tràn vào hầm chứa lưới, thuyền trưởng và các thuyền viên trên tàu đã dùng các phương tiện sẵn có bơm nước ra ngoài nhưng không hiệu quả. Sau đó sóng gió mạnh tiếp tục đánh vào tàu làm tàu bị nghiêng lật úp và chìm hoàn toàn.

Xét thấy, cơn bão số 1 năm 2019 xảy ra mà các đương sự không lường trước được, không thể khắc phục được nên theo quy định tại khoản 1 Điều 156 Bộ luật dân sự năm 2015 thì cơn bão số 1 năm 2019 là sự kiện bất khả kháng. Do đó, tổn thất đối với tàu cá BÐ-99047-TS xảy ra trong hoàn cảnh và lý do chính đáng.

[2.2] Bị đơn **Tổng Công ty cổ phần B2** cho rằng nguyên đơn không phải là người mua bảo hiểm và cũng không phải là người được bảo hiểm nên không có quyền khởi kiện vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với yêu cầu **Tổng Công ty cổ phần B2** phải trả tiền bồi thường bảo hiểm tàu cá BÐ-99047-TS cho Nguyên đơn số tiền 9.685.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền bồi thường bảo hiểm theo yêu cầu của Nguyên đơn vì tàu cá BÐ-99047-TS bị chìm tại tọa độ 05⁰16'N, 105⁰17'E là ngoài phạm vi hoạt động theo quy định của Quy tắc bảo hiểm đã được **Bộ T1** phê duyệt nên không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường bảo hiểm, do vậy **Tổng Công ty cổ phần B2** không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ vì trong hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm tàu cá mà hai bên đã ký không quy định rõ những điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm. Ngoài ra theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 18 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2010 thì người mua bảo hiểm có quyền yêu cầu Công ty bảo hiểm trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng; Theo lời khai và đơn trình bày của ông **Nguyễn Công Đ1** và bà **Mai Thị B** cũng đồng ý **Tổng Công ty cổ phần B2** trả tiền bồi thường bảo hiểm đối với tổn thất chìm tàu BÐ-99047-TS cho **Ngân hàng TMCP Đ** thụ hưởng số tiền bảo hiểm đối với thân tàu 9.685.000.000 đồng để thu hồi vào nợ gốc của ông bà và theo Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số P-18/BDI/HHA/2600/0037 ngày 30/12/2018, giá trị trách nhiệm bảo hiểm thân tàu 9.685.000.000 đồng. Theo giấy sửa đổi bổ sung số E-18/BDI/HHA/2600/0037-01 ngày 30/12/2018, người thụ hưởng quyền lợi duy nhất là **Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh P1**.

[2.3] Mặt khác theo quy định tại Điều 14 quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm thân tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ thì Doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ tàu đối với: tổn thất toàn bộ, tổn thất bộ phận xảy ra đối với thân tàu được bảo hiểm là hậu quả của mọi nguyên nhân phát sinh từ các sự cố, tai nạn và thiên tai và theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2010 điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm phải giải thích rõ cho bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng. Tuy nhiên trong hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm tàu cá mà hai bên đã ký không quy định rõ những điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc **Tổng Công ty cổ phần B2** phải có nghĩa vụ trả tiền bồi thường bảo hiểm tàu cá BÐ-

99047-TS cho **Ngân hàng TMCP Đ** số tiền 9.685.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của **Tổng Công ty cổ phần B2**, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 66/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì **Công ty cổ phần B7** phải chịu 117.685.000. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ông **Nguyễn Công Đ1** và bà **Mai Thị B** thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn **Công ty cổ phần B7** phải chịu.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn **Công ty cổ phần B7**, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 299, 317, 319, 323, 357, 463, 466, 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 12, 14, 15, 16, 17, 18, 29, 43, 46, 47 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi bổ sung năm 2010);

Căn cứ các Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn **Tổng Công ty cổ phần B2**. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 66/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP Đ**.

1. Buộc **Tổng Công ty cổ phần B2** phải có nghĩa vụ trả tiền bồi thường bảo hiểm tàu cá BD-99047-TS cho **Ngân hàng TMCP Đ** số tiền 9.685.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Buộc ông **Nguyễn Công Đ1** và bà **Mai Thị B** phải có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP Đ** (sau khi trừ đi 9.685.000.000 đồng tiền bồi thường bảo hiểm tàu cá BD-99047-TS do **Tổng Công ty cổ phần B2** phải có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP Đ**) số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến hết ngày 19/10/2023 là 14.171.973.229 đồng (trong đó: nợ gốc 6.234.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 7.416.775.833 đồng, lãi phạt quá hạn 521.197.396 đồng).

Kể từ ngày 20/10/2023, Ông Đồng bà **B** còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ .

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. **Tổng Công ty cổ phần B2** phải chịu 117.685.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Ông **Nguyễn Công Đ1** và bà **Mai Thị B** thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí.

3.3. **Ngân hàng TMCP Đ** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 69.525.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003218 ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

4. Về án phí phúc thẩm: **Tổng Công ty cổ phần B2** phải chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000097 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Quy Nhơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Quy Nhơn;
- CCTHADS thành phố Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Văn Hà

